

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI
LÂM ĐỒNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 21

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủ Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủ Lợi Lâm Đồng phần được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng và các giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất vào ngày 22 tháng 02 năm 2008 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Trụ sở được đặt tại 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 20.000.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Thi công các công trình thủy lợi, giao thông, xây dựng dân dụng công nghiệp, cấp thoát nước.
- Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông.
- Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng.
- Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phut vữa, dung dịch các loại.
- Khai thác chế biến khoáng sản.
- Khách sạn.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Đình Hiển	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Trung	Phó Chủ tịch
Ông Hầu Văn Tuấn	Thành viên
Ông Võ Văn Đông	Thành viên
Ông Bùi Trung Trực	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Đình Hiển	Giám đốc
Ông Kim Ngọc Đăng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Trung	Phó Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh năm 2010

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2010 được trình bày trên báo cáo tài chính định kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bắt ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty.

6. Ý kiến của Giám đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Lâm Đồng, ngày 21 tháng 02 năm 2011

GIÁM ĐỐC

LÊ ĐÌNH HIỀN





Công ty Kiểm toán DTL
Thành viên Crowe Horwath International

Số: 11.133 /BCKT-2010

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (848) 3827 5026
Fax: (848) 3827 5027
www.horwathdtl.com
dtlco@horwathdtl.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi:

Các Cổ đông

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cẩn đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủ Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 4 đến trang 21 kèm theo. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

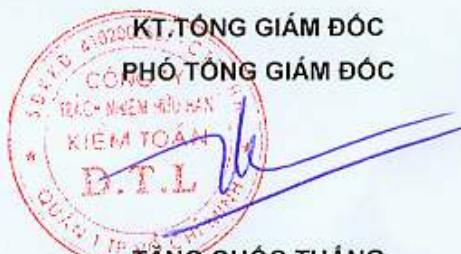
Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủ Lợi Lâm Đồng vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2011



TÙNG QUỐC THẮNG
Chứng chỉ KTV số Đ. 0075/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

BÙI VĂN BÓNG
Chứng chỉ KTV số 0177/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BÁNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		85.257.102.468	73.806.018.002
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.762.002.627	23.358.259.286
1. Tiền	111	5.1	4.762.002.627	23.358.259.286
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	3.200.000.000	5.117.750.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.515.448.000	5.117.750.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(315.448.000)	-
III. Các khoản phải thu	130	5.3	63.092.599.455	41.162.063.791
1. Phải thu khách hàng	131		51.220.316.936	27.780.036.411
2. Trả trước cho người bán	132		835.062.519	840.803.380
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		11.037.220.000	12.541.224.000
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	12.298.639.000	2.525.444.948
1. Hàng tồn kho	141		12.298.639.000	2.525.444.948
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.903.861.386	1.642.499.977
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	1.903.861.386	1.642.499.977

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BẢNG CÂN ĐOÎ KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		42.379.101.491	53.950.696.152
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		29.586.087.989	36.487.551.250
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	27.386.087.989	34.287.551.250
+ Nguyên giá	222		57.108.367.744	54.744.238.561
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.722.279.755)	(20.456.687.311)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		2.200.000.000	2.200.000.000
+ Nguyên giá	228		2.200.000.000	2.200.000.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		12.793.013.502	17.463.144.902
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.7	13.876.024.902	17.463.144.902
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	5.7	(1.083.011.400)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		127.636.203.959	127.756.714.154

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BẢNG CÂN ĐOÎ KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		65.231.694.393	69.573.867.807
I. Nợ ngắn hạn	310		57.962.234.893	59.728.990.700
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	9.986.636.400	-
2. Phải trả người bán	312	5.9	16.883.015.300	13.857.061.765
3. Người mua trả tiền trước	313	5.9	22.682.105.750	32.808.919.886
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	4.455.892.822	6.093.313.656
5. Phải trả người lao động	315	-	-	-
6. Chi phí phải trả	316	-	-	-
7. Phải trả nội bộ	317	-	-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	-	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	2.021.152.023	6.812.633.157
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	5.11	1.663.457.475	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.13	269.975.123	157.062.236
II. Nợ dài hạn	330		7.269.459.500	9.844.877.107
1. Phải trả dài hạn người bán	331	-	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	-	-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.14	7.091.320.500	9.026.320.500
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	178.139.000	189.333.500
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-	629.223.107
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	-	-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	-	-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		62.404.509.566	58.182.846.347
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	62.404.509.566	58.182.846.347
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	-	20.000.000.000	20.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	12.447.352.500	12.447.352.500
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	-	16.500.000.000	6.903.240.104
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	-	2.000.000.000	1.000.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	-	11.457.157.066	17.832.253.743
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	-	-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432	-	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		127.636.203.959	127.756.714.154

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BÀNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BÀNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại	-	-	-
+ USD	-	-	-
+ EUR	-	-	-
+ SGD	-	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HÀU VĂN TUẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	156.111.252.753	114.501.228.511
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		156.111.252.753	114.501.228.511
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	131.251.637.315	89.172.113.044
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.859.615.438	25.329.115.467
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	5.604.499.811	4.147.336.988
7. Chi phí tài chính trong đó, chi phí lãi vay	22	6.4	3.419.789.278	280.049.502
8. Chi phí bán hàng	23		1.386.777.878	280.049.502
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		-	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.535.435.352	22.657.572.800
11. Thu nhập khác	31	6.5	1.839.483.667	1.808.553.553
12. Chi phí khác	32	6.6	1.130.000.998	129.511.483
13. Lợi nhuận khác	40		709.482.669	1.679.042.070
14. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế	50		20.244.918.021	24.336.614.870
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	4.787.760.955	4.228.612.127
16. Chi phí thuế TNDN hoàn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.457.157.066	20.108.002.743
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần	70		7.729	10.054

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HÀU VĂN TUẤN

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 01 năm 2011

GIÁM ĐỐC



LE ĐÌNH HIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20.244.918.021	24.336.614.870
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		9.735.898.506	6.642.612.042
Các khoản dự phòng	03		1.398.459.400	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hồi đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.508.928.718)	(5.782.943.213)
Chi phí lãi vay	06		1.386.777.878	280.049.502
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		30.257.125.087	25.476.333.201
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(20.693.065.905)	(19.895.914.260)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.773.194.052)	1.914.241.931
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(10.381.446.039)	27.538.447.207
Tăng giảm chi phí trả trước	12		-	-
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.386.777.878)	(280.049.502)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(6.901.843.117)	(571.977.949)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(133.775.460)	(103.295.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(19.012.977.364)	34.077.785.628
II. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.930.414.897)	(17.275.860.065)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.709.523.810
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(64.284.480.000)	(5.117.750.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		69.473.902.000	1.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(21.800.713.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	8.465.124.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.106.077.202	4.147.336.988
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.365.084.305	(28.872.338.267)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	11.352.996.500
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(1.555.346.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	35.610.481.888	31.641.243.500	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(27.558.845.488)	(22.614.923.000)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.000.000.000)	(2.915.349.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.948.363.600)	15.908.622.000	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(18.596.256.659)	21.114.069.361	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	23.358.259.286	2.244.189.925	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	4.762.002.627	23.358.259.286	

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HÀU VĂN TUẤN



GIÁM ĐỐC

LÊ ĐÌNH HIỀN

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 01 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủ Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng và các giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất vào ngày 22 tháng 02 năm 2008 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 20.000.000.000 đồng

1.2. Linh vực kinh doanh

Thi công các công trình thủy lợi, giao thông, xây dựng dân dụng công nghiệp, cấp thoát nước.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Thi công các công trình thủy lợi, giao thông, xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước,
- Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông,
- Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng,
- Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phut vữa, dung dịch các loại,
- Khai thác, chế biến khoáng sản.
- Khách sạn.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp đồng dạng, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	4 – 20 năm
+ Máy móc thiết bị	4 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	4 – 7 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: Theo Nghị quyết hội đồng cổ đông thường niên.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được xác định theo phần công việc hoàn thành do nhà thầu tự xác định hoặc phần công việc hoàn thành được khách hàng xác định trong kỳ. Phần công việc hoàn thành được xác định theo đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	3.171.503.360	1.138.863.842
Tiền gửi ngân hàng	1.590.499.267	22.219.395.444
Tổng cộng	4.762.002.627	23.358.259.286

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Cổ phiếu ngắn hạn	3.515.448.000	5.117.750.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn	3.515.448.000	5.117.750.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(315.448.000)	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	3.200.000.000	5.117.750.000

Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn (SSI)	100.000	3.515.448.000	67.500	5.117.750.000
Cộng	100.000	3.515.448.000	67.500	5.117.750.000

Lý do thay đổi với loại cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI):

Bán:

- Về số lượng: 210.400 (Cổ phiếu)
- Về giá trị: 16.177.607.833 (đồng)

Mua :

- Về số lượng: 242.900 (cổ phiếu)
- Về giá trị: 14.575.305.833 (đồng)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	51.220.316.936	27.780.036.411
Trả trước cho người bán	835.062.519	840.803.380
Các khoản phải thu khác	11.037.220.000	12.541.224.000
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	63.092.599.455	41.162.063.791
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu	63.092.599.455	41.162.063.791

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu từ cá nhân vay	977.220.000	2.481.224.000
Phải thu từ các tổ chức vay	10.060.000.000	10.060.000.000
Cộng	11.037.220.000	12.541.224.000

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	8.639.000	44.444.948
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.290.000.000	2.481.000.000
Cộng giá gốc hàng tồn kho	12.298.639.000	2.525.444.948
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	12.298.639.000	2.525.444.948

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hồ chứa nước Phát chi Dalat	100.000.000	886.000.000
Khoan thoát nước Đập chính – Thủy điện ĐN3	-	690.000.000
Kênh phan Rí – Phan thiết Bình thuận	690.000.000	420.000.000
Hồ chứa nước Sông Dinh 3 Bình Thuận	3.300.000.000	-
Kênh và công trình trên Kênh – Phước Hòa	2.400.000.000	285.000.000
Hồ chứa nước Thôn 5 Đạt têh	1.200.000.000	200.000.000
Dự án Thủy lợi Phước hòa Gói 1C	180.000.000	-
Kênh chính Sông Ray Gói 44	60.000.000	-
Kênh Xuyên mộc (Gói 52) Bà Rịa Vũng tàu	3.800.000.000	-
Hồ NT6 Phước Long Bình Phước	160.000.000	-
Kênh N1 Tuyền lâm Quang Hiệp (gói 1)	400.000.000	-
Tổng cộng	12.290.000.000	2.481.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác là khoản tạm ứng cho nhân viên văn phòng, công nhân và trưởng ban chỉ huy các công trình.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.569.266.331	48.858.792.744	4.050.527.468	265.652.018	54.744.238.561
Mua trong năm	-	3.777.045.455	-	153.369.442	3.930.414.897
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.566.285.714)	-	-	(1.566.285.714)
Số dư cuối năm	1.569.266.331	51.069.552.485	4.050.527.468	419.021.460	57.108.367.744
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	599.863.227	17.998.789.431	1.732.063.461	125.971.192	20.456.687.311
Khấu hao trong năm	77.798.448	9.060.533.385	487.101.592	110.465.081	9.735.898.506
Thanh lý nhượng bán	-	(470.306.062)	-	-	(470.306.062)
Số dư cuối năm	677.661.675	26.589.016.754	2.219.165.053	236.436.273	29.722.279.755
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	969.403.104	30.860.003.313	2.318.464.007	139.680.826	34.287.551.250
Tại ngày cuối năm	891.604.656	24.480.535.731	1.831.362.415	182.585.187	27.386.087.989

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 12.766.861.141 đồng
 Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 12.478.623.613 đồng.

5.7. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư dài hạn khác	13.876.024.902	17.463.144.902
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	13.876.024.902	17.463.144.902
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1.083.011.400)	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	12.793.013.502	17.463.144.902

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Trái phiếu chính phủ	-	-	-	50.000.000
Trái phiếu Công ty HEC II	30.000	3.000.000.000	30.000	3.000.000.000
Cổ phiếu LBM	570.006	7.695.081.000	850.006	11.475.081.000
Cổ phiếu VDL	120.475	3.180.943.902	113.575	2.938.063.902
Cộng	720.481	13.876.024.902	993.581	17.463.144.902

(Phần tiếp theo ở trang 17)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Lý do thay đổi các khoản đầu tư:

Trái phiếu chính phủ: đến hạn 50.000.000đ

Cổ phiếu LBM

- Về số lượng bán: 280.000 (cổ phiếu)
- Về giá trị : 3.780.000.000 đồng

Cổ phiếu VDL

- Về số lượng mua: 6.900 cổ phiếu
- Về giá trị: 242.880.000 đồng

5.8. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	9.986.636.400	-
Tổng cộng	9.986.636.400	-

Đây là khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Lâm Đồng theo hợp đồng số 01/2010/HĐTDHM ngày 02/08/2010, với hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, thi công xây lắp, thời hạn vay không quá 9 tháng, lãi suất theo lãi suất thị trường. Tài sản thế chấp là: toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh, các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế.

5.9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	16.883.015.300	13.857.061.765
Người mua trả tiền trước	22.682.105.750	32.808.919.886
Tổng cộng	39.565.121.050	46.665.981.651

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	2.130.113.615	1.938.120.417
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.974.529.965	4.088.612.127
Thuế thu nhập cá nhân	312.264.312	18.455.812
Thuế tài nguyên	24.488.880	18.722.550
Các khoản phí, lệ phí	14.496.050	29.402.750
Tổng cộng	4.455.892.822	6.093.313.656

5.11. Dự phòng phải trả

Đây là khoản dự phòng chi phí bảo hành công trình.

5.12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	388.196.602	310.093.157
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.632.955.421	6.502.540.000
Tổng cộng	2.021.152.023	6.812.633.157

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thu tiền đặt cọc bán tài sản	320.000.000	320.000.000
Vay mượn cá nhân tạm thời	526.790.000	5.516.790.000
Tiền ký quỹ thế chân lái xe	130.000.000	105.000.000
Phải trả vốn Nhà nước	50.750.000	50.750.000
Thu tiền bảo lãnh gói thầu Hồ chứa nước thôn 5 Dạt Đè	450.000.000	450.000.000
Thu tiền cấp chứng chỉ nghề CNV	43.050.000	-
Thu hồi nhiên liệu 2010	52.365.421	-
Thu tiền thuê cốt pha công trình	60.000.000	60.000.000
Tổng cộng	1.632.955.421	6.502.540.000

5.13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	157.062.236	260.357.236
Trích lập trong năm	235.493.847	-
Sử dụng trong năm	(122.580.960)	(103.295.000)
Số dư cuối năm	269.975.123	157.062.236

5.14. Vay dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	7.091.320.500	9.026.320.500
Tổng cộng	7.091.320.500	9.026.320.500

Đây là khoản vay ngân hàng theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2009/HĐTD ngày 03 tháng 08 năm 2009 với hạn mức là 12 tỷ, thời hạn vay 48 tháng. Lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần vào ngày 01/01 và 01/07 hàng năm, lãi suất kỳ đầu tiên 10,5%/năm. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay là để mua sắm máy móc thiết bị thi công công trình xây dựng. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị tài sản thế chấp là 12.766.861.141 đồng.

5.15. Vốn chủ sở hữu

5.15.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Các quỹ khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	12.447.352.500	7.903.240.104	639.600.000	40.990.192.604
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	20.108.002.743	20.108.002.743
Chia cổ tức	-	-	-	(2.915.349.000)	(2.915.349.000)
Số dư đầu năm nay	20.000.000.000	12.447.352.500	7.903.240.104	17.832.253.743	58.182.846.347
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	15.457.157.066	15.457.157.066
Trích lập các quỹ	-	-	10.596.759.896	(10.832.253.743)	(235.493.847)
Chia cổ tức	-	-	-	(11.000.000.000)	(11.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	20.000.000.000	12.447.352.500	18.500.000.000	11.457.157.066	62.404.509.566

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.15.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của cá nhân	20.000.000.000	20.000.000.000
Tổng cộng	20.000.000.000	20.000.000.000

5.15.3. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông sau ngày kết thúc năm tài chính	4.000.000.000	9.275.749.000

5.15.4. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.15.5. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	15.457.157.066	20.108.002.743
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	7.729	10.054

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hợp đồng xây dựng	156.078.243.415	114.425.676.573
Doanh thu cho thuê nhà nghỉ	33.009.338	75.551.938
Doanh thu thuần	156.111.252.753	114.501.228.511

6.2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của hoạt động xây dựng đã cung cấp.

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	829.482.861	1.034.754.953
Lãi đầu tư trái phiếu	187.020.141	75.618.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.089.574.200	164.567.000
Lãi bán cổ phiếu	2.834.434.416	2.724.572.000
Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán	634.552.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	29.436.193	147.825.035
Tổng cộng	5.604.499.811	4.147.336.988

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.386.777.878	280.049.502
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	2.033.011.400	-
Tổng cộng	3.419.789.278	280.049.502

6.5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Xử lý công nợ	340.649.958	87.234.896
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.498.831.168	1.709.523.810
Thu nhập khác	2.541	11.794.847
Tổng cộng	1.839.483.667	1.808.553.553

6.6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt, tiền bồi thường	-	45.600.000
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.095.979.652	73.917.585
Chi phí khác	34.021.346	9.993.898
Tổng cộng	1.130.000.998	129.511.483

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	20.244.918.021	24.336.614.870
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(1.093.874.200)	(173.117.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	19.151.043.821	24.163.497.870
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	4.787.760.955	6.040.874.467
Trừ thuế TNDN được miễn giảm	-	(1.812.262.340)
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	4.787.760.955	4.228.612.127

7. Thủ lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thủ lao Hội đồng quản trị	225.127.500	449.272.000
Lương Giám đốc	534.042.000	348.128.000
Tổng cộng	759.169.500	797.400.000

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHỦ TỊCH ỦY BAN BÁO SÁC TÀI CHÍNH

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

9. Các thông tin thuyết minh khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty đã áp dụng các quy định này cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 26 tháng 01 năm 2011.

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 01 năm 2011

KÉ TOÁN TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

HÀU VĂN TUÁN

LÊ ĐÌNH HIỀN